

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-CDKT ngày 30/9/2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)

Tên ngành, nghề: Điều dưỡng (Nursing)

Mã ngành, nghề: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ cao đẳng đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam: Có thái độ phù hợp để thực hiện chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế và cộng đồng; hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kỹ năng

1.2.1.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng theo quy trình điều dưỡng, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục.
- Phối hợp với Bác sĩ và các nhân viên y tế khác trong việc xây dựng kế hoạch chăm sóc, điều trị người bệnh toàn diện và thực hiện tốt y lệnh của Bác sĩ.
- Thực hiện các quy trình sơ cấp cứu ban đầu các nạn nhân và các trường hợp bệnh nặng.
- Quản lý và bảo quản được các trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ

sơ, sổ sách trong khoa, phòng, đơn vị.

- Phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

- Sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

1.2.1.2. Kỹ năng mềm

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh.

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

- Đề xuất sáng kiến, cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc một cách hiệu quả và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

1.2.2. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thực hiện đúng và an toàn các quy trình kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành.

2. Cấu trúc kiến thức và thực hiện chương trình thực hành

| Mã MĐ | Tên mô đun | Thời gian học tập (giờ) | | | | Thời gian thực hiện |
|--------------|--|--------------------------------|----------------|----------------------------|---------------------|----------------------------|
| | | Tín chỉ | Tổng số | Thực hành bệnh viện | Thi/Kiểm tra | |
| 611420903 | Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 2 |
| 611420913 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 2 |
| 611430923 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2 | 3 | 135 | 131 | 2/2 | Học kỳ 3 |
| 611420933 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 3 |
| 611420943 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 3 |
| 611420953 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 4 |
| 611420963 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 4 |
| 611420973 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 5 |

| Mã MĐ | Tên mô đun | Thời gian học tập (giờ) | | | | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|-------------------------|-------------|---------------------|--------------|---------------------|
| | | Tín chỉ | Tổng số | Thực hành bệnh viện | Thi/Kiểm tra | |
| 611420983 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 4 |
| 611420993 | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 | 2 | 90 | 87 | 2/1 | Học kỳ 5 |
| 611440303 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 180 | 176 | 2/2 | Học kỳ 5 |
| | Cộng | 25 | 1125 | 1090 | 22/13 | |

3. Thời gian thực hiện

- Sinh viên đi thực tập từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
 - + Buổi sáng: Từ 7 giờ - 11 giờ.
 - + Buổi chiều: Từ 13 giờ - 17 giờ.
- Tham gia trực đêm tại khoa theo sự phân công của Khoa và Bộ môn.
- Lịch nghỉ hè, tết, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước và kế hoạch của Nhà trường.

4. Trách nhiệm của các bộ môn thuộc khoa, nhà giáo hướng dẫn và sinh viên tham gia thực hành và thực tập tại cơ sở

4.1. Trách nhiệm của các bộ môn

- Căn cứ chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo từng học kỳ và năm học, đặc thù nội dung môn học, mô đun thực hành và thực tập để đề xuất kế hoạch thực hành và thực tập tại cơ sở cho sinh viên và phân công nhà giáo hướng dẫn cho phù hợp.
- Phân công nhà giáo hướng dẫn thực hành và thực tập tại cơ sở phải là người đã giảng dạy các môn học, mô đun có liên quan trực tiếp đến nội dung thực hành và thực tập, có kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hành và thực tập, phù hợp với chuyên môn của nhà giáo; không cử nhà giáo tập sự hướng dẫn thực hành và thực tập chính cho sinh viên, nhưng có thể cử nhà giáo tập sự cùng tham gia để học tập và tích lũy kinh nghiệm.

4.2. Trách nhiệm của nhà giáo được phân công hướng dẫn thực hành và thực tập tại cơ sở

- Thực hiện việc ghi chép đầy đủ các hoạt động thực hành và thực tập tại cơ sở của sinh viên trong quá trình thực hành và thực tập theo hồ sơ, sổ sách, biểu mẫu đã được quy định.

- Tuân thủ đúng các quy định, quy trình, kế hoạch và tiến độ trong việc tham gia hướng dẫn thực hành và thực tập tại cơ sở cho sinh viên; kịp thời báo cáo với Lãnh đạo khoa đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình hướng dẫn thực hành và thực tập tại cơ sở.

- Đánh giá nội dung môn học và mô đun thực hành (phần lý thuyết do Trường đảm nhiệm); đánh giá Báo cáo kết quả thực tập tại cơ sở của sinh viên theo quy định (nếu được phân công).

4.3. Trách nhiệm của sinh viên tham gia thực hành và thực tập

- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch thực hành và thực tập tại cơ sở đã được nhà trường ban hành.

- Chấp hành nghiêm các nội quy, quy định của nhà trường và của cơ sở nơi sinh viên đến thực hành và thực tập; tuân thủ sự chỉ đạo của nhà giáo do nhà trường phân công hướng dẫn và cán bộ hướng dẫn của cơ sở.

- Tích cực học tập và nghiên cứu, thu thập đầy đủ dữ liệu cần thiết và hoàn thành các nội dung được khoa và bộ môn quy định nhằm giúp nâng cao năng lực nghề nghiệp.

5. Lượng giá, đánh giá

- Căn cứ chỉ tiêu tay nghề nhà trường phối hợp với bệnh viện và Trạm Y tế giảng dạy, hướng dẫn, lượng giá, đánh giá sinh viên qua thực tế để thực hiện kỹ năng nghề nghiệp.

- Các nội dung lượng giá, đánh giá được cụ thể hóa trong từng mô đun.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở (Clinical Practice in Basic Nursing).

Mã mô đun: 611420903.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (thực hành lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ II.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng:
 - + Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi chép hồ sơ bệnh án.
 - + Thực hiện các kỹ năng cấp cứu các quy trình điều dưỡng đúng kỹ thuật.
 - + Hướng dẫn người bệnh các quy định, cách chăm sóc.
 - + Phát hiện và xử lý nhanh các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa chuẩn.
 - + Ân cần, thông cảm trong giao tiếp, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người

bệnh và gia đình người bệnh.

- + Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của bệnh viện.
- + Tôn trọng, hợp tác với nhân viên và người bệnh điều trị tại bệnh viện.
- + Nâng cao ý thức chăm sóc người bệnh trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

III. Nội dung mô đun (1-4)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp đón người bệnh tại khoa, phòng | 1 | 0 | 8 |
| 2 | Ghi chép hồ sơ bệnh án | 1 | 0 | 4 |
| 3 | Tiếp nhận, vận chuyển người bệnh | | 0 | 4 |
| 4 | Rửa tay thường quy, mang và tháo khẩu trang, găng vô khuẩn | 1 | 0 | 10 |
| 5 | Đo dấu hiệu sinh tồn | 1 | 0 | 20 |
| 6 | Đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp | 1 | 0 | 5 |
| 7 | Chườm nóng - chườm lạnh | 1 | 0 | 2 |
| 8 | Kỹ năng tiêm thuốc: - Tiêm trong da/test lẩy da - Tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da | 2 | 0 | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | - Tiêm bắp | | | |
| 9 | Truyền dung dịch đường tĩnh mạch | 2 | 0 | 2 |
| 10 | Cho NB uống thuốc, bôi thuốc, nhỏ thuốc vào mắt- mũi- tai | 1 | 1 | 10 |
| 11 | Giúp người bệnh ăn qua miệng, qua ống thông | 1 | 0 | 4 |
| 12 | Đo lượng dịch ra, vào của người bệnh | 1 | 1 | 4 |
| 13 | Chăm sóc, phòng ngừa loét tỳ đè | 1 | 0 | 4 |
| 14 | Chăm sóc vết thương thông thường và ống dẫn lưu | 1 | 0 | 8 |
| 15 | Sơ cứu bất động gãy xương | 1 | 1 | 2 |
| 16 | Đặt thông dạ dày, hút dịch dạ dày tá tràng | 1 | 1 | 2 |
| 17 | Thông tiểu, lấy nước tiểu 24 giờ | 1 | 0 | 4 |
| 18 | Theo dõi và rút các loại ống thông, ống dẫn lưu | 1 | 0 | 4 |
| 19 | Hút thông đường hô hấp trên, cho NB thở Oxy | 1 | 0 | 4 |
| 20 | Sơ cứu cầm máu vết thương | 1 | 1 | 4 |
| 21 | Xử lý chất thải tại khoa, phòng người bệnh | | 0 | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 22 | Chăm sóc NB giai đoạn cuối, hấp hối, tử vong | 1 | 1 | 2 |
| 23 | Hồi sinh tim phổi | 1 | 1 | 2 |
| 24 | Sử dụng, bảo quản một số máy móc thông thường tại khoa phòng | 1 | 0 | 4 |
| 25 | Truyền máu | 1 | 1 | 4 |
| 26 | Kỹ thuật sử dụng bơm tiêm điện | 1 | 0 | 4 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh Kon Tum:

+ Khoa Nội Tổng hợp.

+ Khoa Lão học.

+ Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong mô đun Điều dưỡng cơ sở 1

và Điều dưỡng cơ sở 2.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc cho người bệnh.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 5 phút/ sinh viên.

+ Lưu ý: Sinh viên không tham gia kiểm tra định kì đủ số lần theo quy định, nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương

đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 5 phút/ sinh viên kết hợp trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến kỹ thuật điều dưỡng đã thực hiện.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo:

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học:

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Điều dưỡng cơ sở 1 và Điều dưỡng cơ sở

2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (Tập 1). Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (Tập 2). Hà Nội: NXB Y học; 2020.
3. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản (Tập I). Hà Nội: NXB Y học; 2007.
4. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản (Tập II). Hà Nội: NXB Y học; 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 (Clinical Practice in Adult Internal Medical Nursing 1).

Mã mô đun: 611420913.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (thực hành lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ II.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng:
 - + Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
 - + Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, người bệnh truyền nhiễm.
 - + Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh.
 - + Nhận định triệu chứng lâm sàng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm.
 - + Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu về điều dưỡng.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

+ Tuân thủ nguyên tắc khi thực hành các kỹ năng và nguyên tắc phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.

+ Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà của họ trong chăm sóc người bệnh.

+ Tôn trọng đúng mức các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun

1. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Nội 1 (1-3)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa | 1 | | 4 |
| 2 | Đo và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở | 1 | | 4 |
| 3 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | 2 | | 20 |
| 4 | Vận chuyển người bệnh | 1 | | 4 |
| 5 | Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc | 1 | | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | người bệnh bị các bệnh nội khoa thường gặp: Bệnh tim mạch, bệnh hô hấp, bệnh tiêu hoá, bệnh tiết niệu, nội tiết | | | |
| 6 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu về điều dưỡng | 1 | | 4 |
| 7 | Kỹ thuật thở khí dung cho người bệnh hen phế quản | 1 | | 2 |
| 8 | Cho người bệnh uống thuốc | 1 | | 8 |
| 9 | Tiêm trong da/test lẩy da | 1 | | 2 |
| 10 | Tiêm dưới da | 1 | | 2 |
| 11 | Tiêm bắp | 1 | | 2 |
| 12 | Tiêm tĩnh mạch | 2 | | 2 |
| 13 | Truyền dịch | 2 | | 2 |
| 14 | Truyền máu | 1 | 1 | 1 |
| 15 | Cho người bệnh ăn bằng đường miệng | 1 | | 2 |
| 16 | Cho người bệnh ăn qua ống thông | 1 | | 2 |
| 17 | Chườm nóng, chườm lạnh | | | 2 |
| 18 | Thông tiểu, rửa bàng quang | 1 | | 2 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 19 | Hút thông đường hô hấp trên | 1 | | 2 |
| 20 | Cho người bệnh thở oxy qua mũi | 2 | | 4 |
| 21 | Phụ giúp bác sĩ chọc dò: Túi sống, màng tim, màng bụng, màng phổi | 2 | 2 | |
| 22 | Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh | 2 | 2 | |
| 23 | Phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch trung tâm | 1 | 1 | |
| 24 | Phụ giúp bác sĩ mở khí quản, đặt nội khí quản | 1 | 1 | |
| 25 | Kỹ thuật hồi sinh tim phổi | 1 | 1 | |
| 26 | Chăm sóc, phòng ngừa loét tỳ đè | 1 | | 2 |
| 27 | Xử lý chất thải tại khoa, phòng | 1 | | 2 |
| 28 | Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà | 2 | | 20 |

2. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Y học nhiệt đới (4)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp đón người bệnh và đo dấu hiệu sinh tồn | 1 | | 2 |
| 2 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | 1 | | 10 |
| 3 | Vận chuyển người bệnh | 2 | | 4 |
| 4 | Thực hiện kỹ thuật tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch) | 1 | | 4 |
| 5 | Thực hiện kỹ thuật truyền dịch | 1 | | 2 |
| 6 | Kỹ thuật truyền máu | 1 | | |
| 7 | Cho ăn qua sonde dạ dày | 1 | | 2 |
| 8 | Phụ bác sĩ chọc dò (màng phổi, màng tim, màng bụng, tử cung) | 1 | | |
| 9 | Kỹ thuật hút thông đường hô hấp trên | 1 | | 2 |
| 10 | Cho người bệnh thở oxy | 1 | | 2 |
| 11 | Lấy máu xét nghiệm | 1 | | 2 |
| 12 | Lấy phân, nước tiểu xét nghiệm | 1 | | 2 |
| 13 | Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc các bệnh truyền nhiễm (tả, lỵ, bạch hầu, cúm, | 1 | | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | sởi, Viêm gan do virus, sốt xuất huyết dengue, sốt rét, HIV/AIDS....) | | | |
| 14 | Ghi chép hồ sơ và biểu mẫu liên quan đến điều dưỡng | 1 | | 4 |
| 15 | Giáo dục sức khỏe cho người bệnh trong và sau khi ra viện | 1 | | 4 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Nội Tổng hợp.

+ Khoa Lão học.

+ Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Y học nhiệt đới.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các các kỹ năng chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, người bệnh truyền nhiễm.

+ Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun Chương trình mô đun Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo:

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học:

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang

điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, người bệnh truyền nhiễm.

4. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Huyền. Giáo trình điều dưỡng nội khoa. Thái Nguyên: NXB Thái Nguyên; 2019.

2. Lê Văn An. Điều dưỡng nội (Tập 1). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2008.

3. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2015.

4. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2 (Clinical Practice in Adult Internal Medical Nursing 2).

Mã mô đun: 611430923.

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (thực hành lâm sàng: 131 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ III.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng:
 - + Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc cơ bản, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch cũng như cấp cứu đặc biệt.
 - + Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội, người bệnh cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu.
 - + Thực hiện được một số kỹ năng phục hồi chức năng chăm sóc người bệnh.
 - + Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

+ Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành chăm sóc.

+ Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

III. Nội dung mô đun

1. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Nội (1)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa | 1 | | 4 |
| 2 | Đo ECG và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 3 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | | | 10 |
| 4 | Vận chuyển người bệnh | | | 4 |
| 5 | Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bị các bệnh thường gặp tại khoa Nội | 1 | | 4 |
| 6 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu về điều dưỡng | 1 | | 4 |
| 7 | Kỹ thuật chạy khí dung cho người bệnh hen phế quản | 1 | | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 8 | Cho người bệnh uống thuốc | 1 | | 10 |
| 9 | Thực hiện kỹ thuật tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch) | 1 | | 8 |
| 10 | Truyền dịch | 0 | | 10 |
| 11 | Truyền máu | 1 | 1 | 2 |
| 12 | Cho người bệnh ăn qua ống thông | 1 | | 2 |
| 13 | Thông tiểu, rửa bàng quang | 1 | | 2 |
| 14 | Hút thông đường hô hấp trên | 1 | | 2 |
| 15 | Cho người bệnh thở oxy | 1 | | 2 |
| 16 | Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm | | | 4 |
| 17 | Phụ giúp Bác sĩ chọc dò: Túi sống, màng bụng, màng phổi | 1 | 1 | 1 |
| 18 | Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh | 2 | | 2 |
| 19 | Phụ giúp bác sĩ mở khí quản, đặt nội khí quản | 2 | 2 | 1 |
| 20 | Kỹ thuật hồi sinh tim phổi | 1 | 1 | 2 |
| 21 | Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè | 1 | 1 | 1 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 22 | Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà | 1 | | 4 |

2. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum (2)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa | 1 | 1 | 4 |
| 2 | Nhận định, lập và thực hiện KHCS người bệnh: hôn mê, chấn thương sọ não, đặt nội khí quản và mở nội khí quản, rặn cần, ngộ độc, co giật, suy hô hấp, sốc phản vệ... | 1 | 1 | 4 |
| 3 | Hướng dẫn GDSK cho người bệnh trong và sau khi ra viện | 1 | | 6 |
| 4 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | | | 10 |
| 5 | Kỹ thuật tiêm: Tiêm trong da/ test lấy da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch | 1 | | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 6 | Truyền tĩnh mạch | 1 | | 2 |
| 7 | Truyền máu | 1 | 1 | 1 |
| 8 | Thông tiểu, rửa bàng quang | 1 | | 2 |
| 9 | Hút thông đường hô hấp trên và hút thông đường hô hấp dưới qua nội khí quản | 1 | 1 | 2 |
| 10 | Cho người bệnh thở oxy | 1 | | 2 |
| 11 | Cho người bệnh ăn qua sonde | 1 | | 2 |
| 12 | Chăm sóc bệnh nhân bị loét tỳ đè | 1 | | 1 |
| 13 | Đo ECG và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 14 | Vận chuyển người bệnh | | | 2 |
| 15 | Kỹ thuật chạy khí dung cho người bệnh hen phế quản | 1 | | 2 |
| 16 | Cho người bệnh uống thuốc | | | 10 |
| 17 | Phụ giúp bác sĩ chọc dò: màng tim, màng phổi, màng bụng, tủy sống | 1 | 1 | 1 |
| 18 | Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh | 1 | | 2 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 19 | Phụ giúp bác sĩ đặt catheter đo áp lực tĩnh mạch trung tâm | 1 | 1 | 1 |
| 20 | Kỹ thuật hồi sinh tim phổi | 2 | | 1 |
| 21 | Lấy bệnh phẩm xét nghiệm | | | 4 |
| 22 | Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu về điều dưỡng | 2 | | 10 |
| 23 | Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong | 1 | | 1 |
| 24 | Chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu | | | 4 |

3. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Vật lý trị liệu & Phục hồi chức năng (VLTL & PHCN) bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum (3, 4)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa VLTL & PHCN | 1 | | 1 |
| 2 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc phục hồi chức năng cho người bệnh (1KHCS/1 nhóm bệnh) | 1 | | 1 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 3 | Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp (Bác sỹ) KTV thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng | 1 | | 1 |
| 4 | Tập vận động trị liệu - PHCN cho bệnh nhân | 5 | | 2 |
| 5 | Kỹ thuật ánh sáng trị liệu | 5 | | 2 |
| 6 | Kỹ thuật điện trị liệu | 5 | | 2 |
| 7 | Kỹ thuật xoa bóp trị liệu | 5 | | 2 |
| 8 | Chăm sóc và phục hồi một số rối loạn chức năng cơ quan hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, cơ khớp | 1 | 2 | 2 |
| 9 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc PHCN | 1 | 5 | |
| 10 | Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và gia đình | 1 | | 5 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:
- + Khoa Nội Tổng hợp.
- + Khoa Lão học.
- + Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc.

+ Khoa VLTL & PHCN.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂, dụng cụ tập và máy móc chuyên dụng trong khoa VLTL & PHCN...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các kỹ năng chăm sóc cơ bản, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch cũng như cấp cứu đặc biệt; thực hiện được một số kỹ năng phục hồi chức năng chăm sóc người bệnh.

+ Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, người bệnh cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu, người bệnh cần phục hồi chức năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo:

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành,

làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học:

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, người bệnh cấp cứu, người bệnh cần phục hồi chức năng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn An, TS Nguyễn Thị Kim Hoa. Điều dưỡng nội. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2008.

2. Bộ Y tế. Quyết định 1493/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí hồi sức tích cực". Hà Nội; 2015.

3. Bộ Y tế. Quyết định 3109/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên ngành Phục hồi chức năng". Hà Nội; 2014.

4. Cao Minh Châu. Phục hồi chức năng (dành cho cử nhân điều dưỡng). Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2009.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 (Clinical Practice in Adult Internal Medical Nursing 3).

Mã mô đun: 611420933.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (thực hành lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ III.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng:
 - + Thực hiện được thành thạo các kỹ năng chăm sóc cơ bản, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch cũng như cấp cứu đặc biệt.
 - + Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội, người bệnh cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu.
 - + Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - + Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành

chăm sóc.

+ Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

III. Nội dung mô đun

1. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Nội (1)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa | 1 | | 5 |
| 2 | Đo ECG và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 3 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | | | 10 |
| 4 | Vận chuyển người bệnh | | | 5 |
| 5 | Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bị các bệnh thường gặp tại khoa Nội | 1 | | 5 |
| 6 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu về điều dưỡng | 1 | | 5 |
| 7 | Kỹ thuật chạy khí dung cho người bệnh hen phế quản | 1 | | 5 |
| 8 | Cho người bệnh uống thuốc | 1 | | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 9 | Thực hiện kỹ thuật tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch) | 1 | | 10 |
| 10 | Truyền dịch | 0 | | 10 |
| 11 | Truyền máu | 1 | 1 | 2 |
| 12 | Cho người bệnh ăn qua ống thông | 1 | | 4 |
| 13 | Thông tiểu, rửa bàng quang | 1 | | 4 |
| 14 | Hút thông đường hô hấp trên | 1 | | 4 |
| 15 | Cho người bệnh thở oxy | 1 | | 4 |
| 16 | Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm | | | 4 |
| 17 | Phụ giúp Bác sĩ chọc dò: Túi sống, màng bụng, màng phổi | 1 | 1 | 4 |
| 18 | Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh | 2 | | 4 |
| 19 | Phụ giúp bác sĩ mở khí quản, đặt nội khí quản | 2 | 2 | 2 |
| 20 | Kỹ thuật hồi sinh tim phổi | 1 | 1 | 4 |
| 21 | Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè | 1 | 1 | 4 |
| 22 | Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và | 1 | | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|-----------------------------|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | người nhà | | | |

2. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum (2)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa | 1 | 1 | 5 |
| 2 | Nhận định, lập và thực hiện KHCS người bệnh: hôn mê, chấn thương sọ não, đặt nội khí quản và mở nội khí quản, rặn cần, ngộ độc, co giật, suy hô hấp, sốc phản vệ... | 1 | 1 | 5 |
| 3 | Hướng dẫn GDSK cho người bệnh trong và sau khi ra viện | 1 | | 10 |
| 4 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | | | 10 |
| 5 | Kỹ thuật tiêm: Tiêm trong da/ test lấy da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch | 1 | | 10 |
| 6 | Truyền tĩnh mạch | 1 | | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 7 | Truyền máu | 1 | 1 | 1 |
| 8 | Thông tiểu, rửa bàng quang | 1 | | 4 |
| 9 | Hút thông đường hô hấp trên và hút thông đường hô hấp dưới qua nội khí quản | 1 | 1 | 4 |
| 10 | Cho người bệnh thở oxy | 1 | | 4 |
| 11 | Cho người bệnh ăn qua sonde | 1 | | 4 |
| 12 | Chăm sóc bệnh nhân bị loét tỳ đè | 1 | | 4 |
| 13 | Đo ECG và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 14 | Vận chuyển người bệnh | | | 4 |
| 15 | Kỹ thuật chạy khí dung cho người bệnh hen phế quản | 1 | | 4 |
| 16 | Cho người bệnh uống thuốc | | | 10 |
| 17 | Phụ giúp bác sĩ chọc dò: màng tim, màng phổi, màng bụng, tử cung | 1 | 1 | 4 |
| 18 | Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh | 1 | | 4 |
| 19 | Phụ giúp bác sĩ đặt catheter đo áp lực tĩnh mạch | 1 | 1 | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | trung tâm | | | |
| 20 | Kỹ thuật hồi sinh tim phổi | 2 | | 4 |
| 21 | Lấy bệnh phẩm xét nghiệm | | | 4 |
| 22 | Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu về điều dưỡng | 2 | | 10 |
| 23 | Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong | 1 | | 4 |
| 24 | Chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu | | | 5 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Nội Tổng hợp.

+ Khoa Lão học.

+ Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂, dụng cụ tập và máy móc chuyên dụng trong khoa VLTL & PHCN...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được thành thạo các kỹ năng chăm sóc cơ bản, kiến tập một số kỹ năng chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa, chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch cũng như cấp cứu đặc biệt.

+ Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh nội khoa, người bệnh cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

3. Thi kết thúc mô đun

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo:

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học:

- + Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- + Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- + Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.
- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, người bệnh cấp cứu, người bệnh cần phục hồi chức năng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn An, TS Nguyễn Thị Kim Hoa. Điều dưỡng nội. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2008.
2. Bộ Y tế. Quyết định 1493/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí hồi sức tích cực". Hà Nội; 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 1 (Clinical Practice in Surgical Nursing 1).

Mã mô đun: 611420943.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (thực tập lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ III.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kỹ năng
 - + Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh ngoại khoa thông thường.
 - + Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
 - + Phụ giúp Bác sĩ thực hiện một số kỹ thuật tiểu, bó bột
 - + Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - + Thận trọng, chính xác, khéo léo, nhẹ nhàng, tận tình và thông cảm với người

bệnh trong khi tiến hành chăm sóc.

+ Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

III. Nội dung mô đun (1-3)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật | | | 4 |
| 2 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật | | | 10 |
| 3 | Thay băng vết thương thông thường | 1 | | 10 |
| 4 | Thay băng vết thương có ống dẫn lưu và rút ống dẫn lưu | 1 | | 4 |
| 5 | Thay băng vết thương nhiễm khuẩn | 1 | | 4 |
| 6 | Thay băng, cắt chỉ vết thương | 1 | | 4 |
| 7 | Rửa tay nội, ngoại khoa | | | 10 |
| 8 | Đo dấu hiệu sinh tồn | | | 8 |
| 9 | Thông tiểu nam/nữ | 1 | | 4 |
| 10 | Cho người bệnh uống thuốc | | | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 11 | Tiêm thuốc (trong da, dưới da, tiêm bắp và tiêm tĩnh mạch) | | | 10 |
| 12 | Truyền máu | 1 | 1 | 2 |
| 13 | Truyền dịch | | | 4 |
| 14 | Phụ giúp Bác sĩ cố định gãy xương, bó bột | 1 | 2 | |
| 15 | Phụ giúp Bác sĩ chích nhọt, áp xe, làm tiểu phẫu | 1 | 2 | |
| 16 | Đặt sonde dạ dày | 1 | 1 | 2 |
| 17 | Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ, bông | 1 | 2 | 2 |
| 18 | Theo dõi, xử trí các loại ống dẫn lưu sau phẫu thuật | 1 | 2 | 2 |
| 19 | Bơm rửa ống dẫn lưu mật (ống Kehr) | 1 | 2 | 2 |
| 20 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa | 1 | 1 | 1 |
| 21 | Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình | 1 | | 4 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy hút áp lực âm, khung Braun xuyên đinh kéo tạ ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, dịch truyền, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học phần lý thuyết của môn chăm sóc sức khỏe bệnh ngoại khoa 1, chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 2.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh thông thường.

+ Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2014.

2. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.

3. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 2 (Clinical Practice in Surgical Nursing 2).

Mã mô đun: 611420953.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (thực tập lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kỹ năng
 - + Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh ngoại khoa thông thường.
 - + Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
 - + Phụ giúp Bác sĩ thực hiện một số kỹ thuật tiểu, bó bột
 - + Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà để phối hợp chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế và tại nhà.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - + Thận trọng, chính xác, khéo léo, nhẹ nhàng, tận tình và thông cảm với người

bệnh trong khi tiến hành chăm sóc.

+ Tôn trọng văn hóa địa phương, duy trì, phát huy các thói quen có lợi cho sức khỏe của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

III. Nội dung mô đun (1-3)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật | | | 4 |
| 2 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật | | | 4 |
| 3 | Thay băng vết thương thông thường | | | 10 |
| 4 | Thay băng có ống dẫn lưu và rút ống dẫn lưu | | | 4 |
| 5 | Thay băng vết thương nhiễm khuẩn | | | 4 |
| 6 | Thay băng, cắt chỉ vết thương | | | 4 |
| 7 | Rửa tay nội, ngoại khoa | | | 10 |
| 8 | Đo dấu hiệu sinh tồn | | | 8 |
| 9 | Thông tiểu nam/nữ | | | 4 |
| 10 | Cho người bệnh uống thuốc | | | 10 |
| 11 | Tiêm thuốc (trong da, dưới da, tiêm bắp và tiêm | | | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | tĩnh mạch) | | | |
| 12 | Truyền máu | | 1 | 2 |
| 13 | Truyền dịch | | | 4 |
| 14 | Phụ giúp Bác sĩ cố định gãy xương, bó bột | 1 | 2 | |
| 15 | Phụ giúp Bác sĩ chích nhọt, áp xe, làm tiểu phẫu | 1 | 2 | |
| 16 | Đặt sonde dạ dày | | 1 | 2 |
| 17 | Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ, bông | | | 4 |
| 18 | Theo dõi, xử trí các loại ống dẫn lưu sau phẫu thuật | | | 4 |
| 19 | Bơm rửa ống dẫn lưu mật (ống Kehr) | | | 2 |
| 20 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa | | 1 | 1 |
| 21 | Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình | | | 4 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum:

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy hút áp lực âm, khung Braun xuyên đinh kéo tạ ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, dịch truyền, các bảng kiểm quy trình, người bệnh...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được học xong học phần lý thuyết của môn chăm sóc sức khỏe bệnh ngoại khoa 1, chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 2, Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 1.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh thông thường.

+ Sinh viên nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trên người bệnh để lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, khéo léo.

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn

thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành,

làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Sinh viên phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2014.

2. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.

3. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1
(Clinical Practice in Women, Maternal, and Family's Health Nursing 1).

Mã mô đun: 611420963.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (thực tập lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng
 - + Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ.
 - + Phát hiện và có hướng xử trí kịp thời cho các bà mẹ có yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén.
 - + Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ có chảy máu nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén.
 - + Lập được kế hoạch chăm sóc sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh. Vận dụng kiến thức để phát hiện được các trường hợp trẻ sơ sinh bất thường.
 - + Tư vấn được về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và kế hoạch hoá gia

đình.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa chuẩn công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

+ Ân cần, thông cảm trong giao tiếp, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

+ Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của bệnh viện.

+ Nâng cao ý thức chăm sóc người bệnh trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

III. Nội dung mô đun (1-5)

| STT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|-----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Sắp xếp trang thiết bị phòng khám, phòng thủ thuật, phòng đẻ | 2 | 2 | 1 |
| 2 | Tiếp nhận sản phụ vào điều trị tại khoa sản | 1 | 1 | 4 |
| 3 | Chẩn đoán thai và dự kiến ngày sinh, nơi sinh | 2 | 2 | 1 |
| 4 | Phát hiện có thai sớm bằng que thử thai nhanh | 2 | 2 | 1 |
| 5 | Thực hiện được chín bước khám thai | 2 | 2 | |
| 6 | Làm sạch dụng cụ | 2 | 2 | 2 |
| 7 | Bảo quản dụng cụ sau khử khuẩn, tiệt khuẩn | 2 | 2 | 2 |
| 8 | Nhận định được thai nghén bình thường và thai nghén bất thường | 2 | 2 | 4 |

| | | | | |
|----|--|---|---|----|
| 9 | Nghe và nhận định được nhịp tim thai trong chuyển dạ | 2 | 2 | 10 |
| 10 | Khám con co tử cung trong chuyển dạ và nhận định được con co tử cung bình thường/ bất thường | 2 | 2 | 10 |
| 11 | Xác định được ngôi chỏm trong chuyển dạ | 3 | 3 | 3 |
| 12 | Vệ sinh âm hộ trước và trong đẻ | 1 | 2 | 5 |
| 13 | Nhận định được các dấu hiệu chuyển dạ | 2 | 2 | 1 |
| 14 | Đỡ đẻ thường (kiểu chằm mu) | 3 | 3 | |
| 15 | Làm nghiệm pháp bong rau, đỡ rau và kiểm tra rau | 3 | 5 | 2 |
| 16 | Xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ | 3 | 3 | |
| 17 | Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ | 3 | 3 | 3 |
| 18 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh những ngày sau đẻ | 2 | 2 | 4 |
| 19 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ | 2 | 2 | 4 |
| 20 | Tắm bé | 2 | 2 | 10 |
| 21 | Làm thuốc cho sản phụ | 1 | 2 | 4 |
| 22 | Thay băng vết mổ, cắt chỉ vết mổ | 2 | 3 | 5 |
| 23 | Chăm sóc vết khâu tầng sinh môn | 2 | 2 | 4 |
| 24 | Tư vấn sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp | 2 | 2 | 5 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn

- Thực tập tại khoa Sản bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

4. Các điều kiện khác: Người học phải học xong lý thuyết mô đun Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên, kết hợp trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến quy trình kỹ thuật đã thực hiện.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giảng viên

+ Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

+ Giảng viên sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.
- Người học phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh, sản phụ và trẻ sơ sinh.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hà Nội 2016.
2. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội 2013.
3. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội 2011.
4. Bộ Y tế. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Hà Nội 2014.
5. Dự án Mẹ - Em. Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng. NXB Y học 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2
(Clinical Practice in Women, Maternal, and Family's Health Nursing 2).

Mã mô đun: 611420973.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (thực tập lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng
 - + Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ.
 - + Phát hiện và có hướng xử trí kịp thời cho các bà mẹ có yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén.
 - + Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ có chảy máu nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén.
 - + Lập được kế hoạch chăm sóc sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh. Vận dụng kiến thức để phát hiện được các trường hợp trẻ sơ sinh bất thường.
 - + Tư vấn được về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và kế hoạch hoá gia

đình.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa chuẩn công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

+ Ân cần, thông cảm trong giao tiếp, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

+ Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của bệnh viện.

+ Nâng cao ý thức chăm sóc người bệnh trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

III. Nội dung mô đun (1-5)

| STT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|-----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận sản phụ vào điều trị tại khoa sản | | 2 | 4 |
| 2 | Thực hiện được chín bước khám thai | | 2 | 4 |
| 3 | Nhận định được thai nghén bình thường và thai nghén bất thường | | 2 | 2 |
| 4 | Nghe và nhận định được nhịp tim thai trong chuyển dạ | | 2 | 10 |
| 5 | Khám con co tử cung trong chuyển dạ và nhận định được con co tử cung bình thường/ bất thường | | 2 | 5 |
| 6 | Xác định được ngôi chỏm trong chuyển dạ | | 3 | 3 |

| | | | | |
|----|--|---|---|----|
| 7 | Vệ sinh âm hộ trước và trong đẻ | | 1 | 5 |
| 8 | Thực hiện đỡ đẻ thường (kiểu chằm mu) | | 2 | 1 |
| 9 | Thực hiện nghiệm pháp bong rau- đỡ rau và kiểm tra rau | | 3 | 2 |
| 10 | Xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ | 5 | 2 | 1 |
| 11 | Thực hiện chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ | 3 | 2 | 2 |
| 12 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh những ngày sau đẻ | | 2 | 4 |
| 13 | Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ | | 2 | 4 |
| 14 | Thực hiện tắm bé | | 2 | 10 |
| 15 | Thực hiện làm thuốc | | | 10 |
| 16 | Thực hiện thay băng vết mổ, cắt chỉ vết mổ | | 2 | 4 |
| 17 | Thực hiện chăm sóc vết khâu tầng sinh môn | | 2 | 4 |
| 18 | Chăm sóc bệnh nhân trước mổ và sau mổ | 2 | 2 | 2 |
| 19 | Chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục | | 2 | 2 |
| 20 | Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục (u vú, u buồng trứng, u xơ tử cung) | | 2 | 2 |
| 21 | Chăm sóc phụ nữ ung thư cổ tử cung, ung thư niêm mạc tử cung | 2 | | 1 |
| 22 | Thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi sinh đẻ | | 3 | 3 |
| 23 | Thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe vị thành | 1 | 1 | 1 |

| | | | | |
|----|---|---|---|---|
| | niên | | | |
| 24 | Thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi mãn kinh | 1 | 1 | 1 |
| 25 | Thực hiện tư vấn sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp | 2 | 1 | 6 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn

- Thực tập tại khoa Sản bệnh viện Đa khoa Tỉnh KonTum.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm;...

4. Các điều kiện khác: Người học phải học xong lý thuyết mô đun Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng

- Người học vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh..

- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh, bà mẹ và trẻ sơ sinh. Thời gian 60 phút/sinh viên, kết hợp trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến quy trình kỹ thuật đã thực hiện.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 được sử dụng đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giảng viên

+ Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực

hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc;...

+ Giảng viên sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

- Người học phải thực hành các kỹ năng nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh, sản phụ và trẻ sơ sinh.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hà Nội 2016.

2. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội; 2013.

3. Bộ Y tế. Điều dưỡng sản phụ khoa. Hà Nội; 2011.

4. Bộ Y tế. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Hà

Nội; 2014.

5. Dự án Mẹ - Em. Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng. NXB Y học; 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 (Clinical Practice in Pediatric Nursing 1).

Mã mô đun: 611420983.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (thực tập lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kỹ năng
 - + Giao tiếp tốt với người bệnh, người thân người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh theo quy trình.
 - + Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho trẻ mắc các bệnh thường gặp dựa trên nhận định điều dưỡng phù hợp.
 - + Thực hiện đúng các kỹ thuật điều dưỡng nhi khoa đúng theo quy trình.
 - + Hướng dẫn người bệnh và người thân các phương pháp tự chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - + Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học trong việc thực hiện quy trình chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.

+ Cần thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

+ Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

+ Chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động chăm sóc trên người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-4) (5)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp đón bệnh nhi đến khám và điều trị, ghi hồ sơ bệnh án | 1 | 2 | 4 |
| 2 | Đo dấu hiệu sinh tồn, đánh giá các chỉ số phát triển thể chất | 1 | 2 | 4 |
| 3 | Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch | 1 | 2 | 4 |
| 4 | Truyền dung dịch đường tĩnh mạch | 1 | 2 | 4 |
| 5 | Truyền máu | 1 | 2 | 4 |
| 6 | Lấy máu bệnh phẩm làm xét nghiệm (lấy máu, nước tiểu, phân, đờm) | 1 | 2 | 4 |
| 7 | Cho người bệnh thở oxy, thở khí dung | 1 | 2 | 4 |
| 8 | Hút đờm nhớt | 1 | 2 | 4 |
| 9 | Pha dung dịch Oserol | 1 | 2 | 4 |
| 10 | Cho trẻ uống thuốc | 1 | 2 | 4 |
| 11 | Pha thuốc kháng sinh | 1 | 2 | 4 |
| 12 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ hô hấp | 1 | 0 | 2 |
| 13 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa | 1 | 0 | 2 |
| 14 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tuần hoàn | 1 | 0 | 2 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|---|---|
| | | | | |
| 15 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ thận, tiết niệu | 1 | 0 | 2 |
| 16 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh (thiếu tháng, đủ tháng, già tháng) | 1 | 0 | 2 |
| 17 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý liên quan khác (suy dinh dưỡng, còi xương, dị tật bẩm sinh, vàng da...) | 1 | 0 | 2 |
| 18 | Tư vấn dinh dưỡng (nuôi con bằng sữa mẹ, ăn sam, dinh dưỡng bệnh lý) | 1 | 0 | 2 |
| 19 | Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaru | 1 | 2 | 2 |
| 20 | Tư vấn tiêm chủng | 1 | 0 | 2 |
| 21 | Hồi sinh tim phổi | 1 | 1 | 0 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại Khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh KonTum.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO2,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm,...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học/mô đun Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2 và Chăm sóc sức khỏe trẻ em.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc cho trẻ bệnh.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc cho trẻ bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

- Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc

kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy

trình.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
3. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
4. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
5. BSCK II ThS Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 (Clinical Practice in Pediatric Nursing 2).

Mã mô đun: 611420993.

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (thực tập lâm sàng: 87 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kỹ năng
 - + Giao tiếp tốt với người bệnh, người thân người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh theo quy trình.
 - + Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho trẻ mắc các bệnh thường gặp dựa trên nhận định điều dưỡng phù hợp.
 - + Thực hiện đúng các kỹ thuật điều dưỡng nhi khoa đúng theo quy trình.
 - + Hướng dẫn người bệnh và người thân các phương pháp tự chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:
 - + Ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học trong việc thực hiện quy trình chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh.
 - + Cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh thường gặp

ở trẻ em.

+ Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người chăm sóc trẻ và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa phương.

+ Chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động chăm sóc trên người bệnh.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN (1-4) (5)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp đón bệnh nhi đến khám và điều trị, ghi hồ sơ bệnh án | | | 4 |
| 2 | Đo dấu hiệu sinh tồn, đánh giá các chỉ số phát triển thể chất | | | 4 |
| 3 | Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch | | | 4 |
| 4 | Truyền dung dịch đường tĩnh mạch | | | 4 |
| 5 | Truyền máu | | | 4 |
| 6 | Lấy máu bệnh phẩm làm xét nghiệm (lấy máu, nước tiểu, phân, đờm) | | | 4 |
| 7 | Cho người bệnh thở oxy, thở khí dung | | | 4 |
| 8 | Hút đờm nhớt | | | 4 |
| 9 | Pha dung dịch Oserol | | | 4 |
| 10 | Cho trẻ uống thuốc | | | 4 |
| 11 | Pha thuốc kháng sinh | | | 4 |
| 12 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ hô hấp | | | 2 |
| 13 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa | | | 2 |
| 14 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ tuần hoàn | | | 2 |

| | | | | |
|----|---|---|---|---|
| 15 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý hệ thận, tiết niệu | | | 2 |
| 16 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh (thiếu tháng, đủ tháng, già tháng) | | | 2 |
| 17 | Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc bệnh lý liên quan khác (suy dinh dưỡng, còi xương, dị tật bẩm sinh, vàng da...) | | | 2 |
| 18 | Tư vấn dinh dưỡng (nuôi con bằng sữa mẹ, ăn sam, dinh dưỡng bệnh lý) | | | 2 |
| 19 | Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaru | | | 2 |
| 20 | Tư vấn tiêm chủng | | | 2 |
| 21 | Hồi sinh tim phổi | 2 | 1 | 2 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại Khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh KonTum.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng như: máy thở khí dung, máy oxy, máy hút đờm, bơm tiêm điện, máy đo SpO₂,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm,...

4. Các điều kiện khác:

Sinh viên phải học xong các môn học/mô đun Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em 1.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc cho trẻ bệnh.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc cho trẻ bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

- Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 kế hoạch chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với trả lời 01 câu hỏi vấn đáp liên quan đến chẩn đoán điều dưỡng trên người

bệnh, thời gian 60 phút/sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình bệnh án, ...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Khi thực hiện kỹ thuật phải đảm bảo chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
3. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
4. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
5. Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship).

Mã mô đun: 611440303.

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (thực tập lâm sàng: 176 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn được thực hiện trong học kỳ V.
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

II. Mục tiêu mô đun

- Kỹ năng:
 - + Xác định những vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên.
 - + Thu thập thông tin và số liệu, ghi chép sổ sách, hồ sơ.
 - + Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên.
 - + Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại Trạm Y tế các khoa phòng điều trị.
 - + Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các khoa phòng điều trị và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại các khoa phòng của Bệnh viện.
 - + Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người cao đẳng Điều dưỡng và các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe người bệnh tại

Trạm y tế và các khoa phòng của Bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên phụ trách.

+ Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại Trạm Y tế và các khoa phòng của Bệnh viện.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

+ Tôn trọng, chân thành hợp tác với nhân viên và người bệnh để phát huy vai trò của người điều dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, bảo vệ sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

+ Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng người bệnh và gia đình người bệnh trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

+ Rèn luyện tính khẩn trương, kịp thời, chính xác, trung thực trong công tác chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun

1. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Nội (1-4)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận người bệnh đến khám và vào khoa điều trị | | | 4 |
| 2 | Nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh | 1 | | 4 |
| 3 | Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, test lấy da | 1 | | 10 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 4 | Truyền dịch | 1 | | 2 |
| 5 | Cho bệnh nhân uống thuốc | | | 6 |
| 6 | Vệ sinh tay, mang và tháo găng sạch, găng vô khuẩn | 1 | | 20 |
| 7 | Đo và nhận định mạch, nhiệt, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 8 | Chăm sóc, phòng ngừa loét tỳ đè | | | 2 |
| 9 | Chườm nóng, chườm lạnh | | | 2 |
| 10 | Cho người bệnh ăn bằng đường miệng | | | 2 |
| 11 | Cho người bệnh ăn qua ống thông | | | 2 |
| 12 | Hút thông đường hô hấp trên | | | 2 |
| 13 | Cho người bệnh thở oxy | | | 4 |
| 14 | Lấy máu làm xét nghiệm | | | 2 |
| 15 | Lấy phân, nước tiểu làm xét nghiệm | | | 2 |
| 16 | Chuẩn bị người bệnh chụp phim, siêu âm | | | 2 |
| 17 | Chuẩn bị người bệnh làm nội soi | | | 2 |
| 18 | Gội đầu, tắm và vệ sinh thân thể tại giường cho người bệnh | | | 2 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|--|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 19 | Phụ giúp Bác sĩ chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi | | | 2 |
| 20 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh | | | 1 |
| 21 | Giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và gia đình người bệnh | | | 4 |
| 22 | Phụ giúp Bác sĩ đo điện tâm đồ | | | 4 |
| 23 | Truyền máu | | | 2 |
| 24 | Bơm rửa bàng quang | 1 | | 1 |
| 25 | Đặt sonde và hút dịch dạ dày | | | 1 |
| 26 | Phụ giúp Bác sĩ đặt nội khí quản | 1 | | 2 |
| 27 | Phụ giúp Bác sĩ đặt catheter đo áp lực tĩnh mạch trung tâm | | | 1 |
| 28 | Thông tiểu nam/nữ | | | 1 |
| 29 | Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong | 1 | | 1 |
| 30 | Hồi sinh tim phổi | | | 1 |

2. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Ngoại (5-7)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận người bệnh vào viện tại khoa phòng điều trị | | | 4 |
| 2 | Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật | | | 2 |
| 3 | Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật | | | 2 |
| 4 | Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh gãy xương, mổ kết hợp xương | | | 1 |
| 5 | Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não | | | 1 |
| 6 | Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bỏng | | | 1 |
| 7 | Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ | | | 1 |
| 8 | Gội đầu, tắm và vệ sinh thân thể cho người bệnh | | | 2 |
| 9 | Rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa | | | 20 |
| 10 | Đo và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 11 | Truyền dịch | | | 2 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 12 | Thay băng, rửa vết thương sạch | | | 4 |
| 13 | Thay băng, rửa vết thương nhiễm khuẩn | | | 4 |
| 14 | Thay băng, cắt chỉ vết thương | | | 4 |
| 15 | Thay băng có ống dẫn lưu và rút ống dẫn lưu | | | 1 |
| 16 | Bơm rửa ống dẫn lưu/ống dẫn lưu mật (ống Kehr) | | | 1 |
| 17 | Tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, test lấy da | | | 10 |
| 18 | Cho người bệnh uống thuốc | | | 10 |
| 19 | Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm | | | 5 |
| 20 | Chăm sóc hậu môn nhân tạo | | | 1 |
| 21 | Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh | | | 6 |
| 22 | Phụ giúp Bác sĩ, Kỹ thuật viên bó bột | | | 1 |
| 23 | Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh ngoại khoa | | | 4 |

3. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng tại Khoa Nhi (8)

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 1 | Tiếp nhận trẻ em đến khám và vào khoa nhi điều trị | | | 4 |
| 2 | Nhận định, lập và thực hiện KHCS trẻ em bị bệnh | | | 4 |
| 3 | Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch | | | 10 |
| 4 | Truyền dịch | | | 1 |
| 5 | Cho trẻ uống thuốc | | | 10 |
| 6 | Pha Oresol | | | 4 |
| 7 | Cân, đo và theo dõi mạch, nhiệt, huyết áp, nhịp thở | | | 10 |
| 8 | Chăm sóc răng, miệng cho trẻ | | | 4 |
| 9 | Tắm và vệ sinh thân thể cho trẻ | | | 2 |
| 10 | Tư vấn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ | | | 4 |
| 11 | Cho bệnh nhi thở oxy | | | 2 |
| 12 | Lấy phân, nước tiểu làm xét nghiệm | | | 2 |
| 13 | Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc bệnh nhi khoa | | | 4 |
| 14 | Giáo dục sức khỏe cho trẻ bị bệnh và gia đình của | | | 4 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| | trẻ | | | |
| 15 | Tiêm tĩnh mạch đầu | | | 2 |
| 16 | Cho trẻ ăn qua sonde | | | 1 |
| 17 | Phụ giúp Bác sĩ chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi | | | 1 |
| 18 | Vắt sữa, cho trẻ ăn bằng thìa | | | 2 |
| 19 | Nhận định trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng, già tháng, dị tật bẩm sinh | | | 4 |
| 20 | Cân, đo các đường kính cho trẻ sơ sinh | | | 4 |
| 21 | Chăm sóc rốn, răng, miệng cho trẻ | | | 4 |
| 22 | Chăm sóc trẻ vàng da | | | 1 |
| 23 | Sử dụng lồng ấp | | | 1 |
| 24 | Sử dụng đèn sưởi | | | 1 |
| 25 | Sử dụng đèn chiếu điều trị vàng da | | | 1 |
| 26 | Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaroo | | | 2 |
| 27 | Hoàn thành phiếu ghi trẻ 0 tháng – 2 tuổi | | | 2 |

| TT | Nội dung rèn luyện tay nghề | Chỉ tiêu (lần) | | |
|----|---|----------------|----------|-----------|
| | | Quan sát | Phụ giúp | Thực hiện |
| 28 | Chăm biểu đồ tăng trưởng đúng | | | 2 |
| 29 | Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ: - Chế độ vệ sinh cá nhân cho trẻ - Chế độ ăn sam - Tiêm chủng - Nuôi con bằng sữa mẹ | | | 2 |

4. Chỉ tiêu thực tập tại Trạm Y tế xã/ phường (9)

| STT | Chỉ tiêu | Tự làm | Phụ làm | Kiểm tập |
|-----|---|---|---------|----------|
| 1 | Tiếp cận với trạm y tế để tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm Y tế | Mỗi nhóm (2- 3 SV) có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm Y tế. | | |

| | | | | |
|---|--|---|--|--|
| 2 | Tìm hiểu cộng đồng để thu thập thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khỏe cần giải quyết. Chọn một vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết | Mỗi nhóm (2- 3 SV) 1 bản kế hoạch | | |
| 3 | Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe để giải quyết những vấn đề sức khỏe đã được xác định | Mỗi nhóm (2- 3 SV) có 1 bản kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe | | |
| 4 | Thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe theo kế hoạch | Mỗi sinh viên thực hiện 2 lần | | |
| 5 | Áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh đã học để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân tại Trạm Y tế và tại gia đình | Mỗi sinh viên thực hiện 10 bệnh | | |
| 6 | Tham gia các chương trình y tế tại địa phương | Mỗi sinh viên thực hiện 2 lần | | |
| 7 | Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khỏe và biểu mẫu, sổ sách tại Trạm Y tế | Mỗi sinh viên thực hiện 5 lần | | |
| 8 | Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế | Mỗi sinh viên thực hiện 5 lần | | |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Thực tập tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh Kon Tum bao gồm:

+ Khoa Nội Tổng hợp.

+ Khoa Lão học.

+ Khoa Nội Tim mạch.

+ Khoa Ngoại Tổng hợp.

+ Khoa Ngoại Chấn thương.

+ Khoa Nhi.

- Trạm y tế xã/ phường.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị y tế tại khoa phòng, Trạm Y tế.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ y tế, hồ sơ bệnh án mẫu, thuốc, các bảng kiểm, báo cáo, chương trình mục tiêu quốc gia, ...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, ...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kỹ năng:

+ Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để lập và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.

+ Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại Trạm Y tế và các khoa phòng của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh.

+ Sinh viên xác định được những vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên

trong quá trình thu thập thông tin, số liệu, ghi chép sổ sách, hồ sơ nhằm thực hiện được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe cho người dân tại cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề chăm sóc người bệnh, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

+ Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài.

+ Hình thức: Kiểm tra thường ngày tại cơ sở thực tập.

+ Yêu cầu: Chấp hành đúng nội quy quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động khoa phòng. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu thực tập, ghi chép nhật ký lâm sàng có xác nhận giảng viên/ khoa.

- Kiểm tra định kỳ: 3 bài.

+ Hình thức: Thực hành kết hợp vấn đáp.

+ Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 bệnh án chăm sóc kết hợp với thực hiện 01 quy trình kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh, thời gian 45 phút/sinh viên.

- Thi kết thúc mô đun:

+ Hình thức: Chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp (theo mẫu quy định).

+ Yêu cầu: Mỗi sinh viên hoàn thành một bản báo cáo kết quả thực tập kết hợp với hoàn thành các chỉ tiêu thực hành của sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Thực tập tốt nghiệp được sử dụng đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình, độ cao đẳng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với nhà giáo:

+ Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc, bình kế hoạch chăm sóc...

+ Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

+ Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Đối với người học:

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của mô đun.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

+ Người học tìm hiểu lại giáo trình chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe trẻ em; tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun này.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật điều dưỡng để chăm sóc người bệnh, nhận định các dấu hiệu bệnh và chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người lớn, người cao tuổi và trẻ em.

- Thực hành các kỹ năng cơ bản về phát hiện các vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe tại, thu thập thông tin và số liệu, ghi chép, quản lý hồ sơ sức khỏe.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.
2. Nguyễn Ngọc Huyền. Giáo trình điều dưỡng nội khoa. Thái Nguyên: NXB Thái Nguyên; 2019.
3. Lê Văn An. Điều dưỡng nội (Tập 1). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2008.
4. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Hà Nội; 2015.
5. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2014.
6. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2016.
7. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.
8. ThS Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2015.
9. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Hà Nội: NXB Y học; 2020.